

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 9 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Hương và ông Nguyễn Văn Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST - HNGĐ ngày 06/8/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Mạc Thị N**, sinh năm 1987. (Có đơn xin cấp mặt).

Địa chỉ: **Đ, thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.**

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Đình T**, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Địa chỉ: **Đ, thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2024 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị **Mạc Thị N** trình bày:

Tôi và anh **Trần Đình T** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25 tháng 11 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn. Tuy nhiên, vài năm gần đây vợ chồng không còn hợp quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn, hai

vợ chồng tính cách không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, anh **T** không có trách nhiệm trong việc nuôi dạy con cái. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tôi cũng không còn tình cảm với anh **T** nữa, nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

- Về con chung: Tôi và anh **T** có 03 con chung:

- + **Trần Đình K**, sinh ngày 07/8/2012;
- + **Trần Thị Bảo N1**, sinh ngày 09/8/2010;
- + **Trần Thị Bảo N2**, sinh ngày 10/6/2008.

Hiện nay cả ba con đều ở với tôi và do tôi nuôi ăn học, còn anh **T** không có trách nhiệm nuôi con, nên Tôi đề nghị tòa án giải quyết giao cả ba con cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi;

- Về cấp dưỡng nuôi con do chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh **Trần Đình T** mặc dù đã được tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ nhưng anh **Trần Đình T** vắng mặt không có lý do.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Mạc Thị N**, tuyên xử chị **Mạc Thị N** được ly hôn với anh **Trần Đình T**.

+ Về con chung: Giao 03 con chung là cháu **Trần Đình K**, sinh ngày 07/8/2012; **Trần Thị Bảo N1**, sinh ngày 09/8/2010; **Trần Thị Bảo N2**, sinh ngày 10/6/2008 cho chị **Mạc Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại xã E, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ biên bản xác minh ngày 22/7/2024 của TAND huyện Cư M'gar tại xã C, bị đơn anh Trần Đình T cư trú tại thôn C, xã E, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Đình T nhưng anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Trần Đình T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị Mạc Thị N và anh Trần Đình T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 11 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua lời khai của chị N và xác minh tại địa phương đều cho thấy quá trình chung sống, chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã, anh T thường đi làm xa nhà và không chăm sóc con cái. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân, không sống chung với nhau nữa. Trong thời gian đó hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Mạc Thị N và anh Trần Đình T có 03 con chung là cháu Trần Đình K, sinh ngày 07/8/2012; Trần Thị Bảo N1, sinh ngày 09/8/2010; Trần Thị Bảo N2, sinh ngày 10/6/2008. Qua lời khai của chị N và Biên bản xác minh tại địa phương ngày 22/7/2024, cho thấy hiện nay các con đều đang sống cùng chị N tại thôn C, xã E, và do chị N trực tiếp nuôi ăn học. Còn anh T bỏ ra ngoài sinh sống, không sống chung và chăm lo cho con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao ba con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mạc Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Mạc Thị N**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Mạc Thị N** được ly hôn với anh **Trần Đình T**.
2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu **Trần Đình K**, sinh ngày 07/8/2012; cháu **Trần Thị Bảo N1**, sinh ngày 09/8/2010; cháu **Trần Thị Bảo N2**, sinh ngày 10/6/2008 cho chị **Mạc Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi ba con đủ 18 tuổi.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Mạc Thị N** và anh **Trần Đình T** tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh **Trần Đình T** được quyền đi lại thăm nom con chung, chị **Mạc Thị N** không được ngăn cản quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị **Mạc Thị N** phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014978 ngày 25/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- THADS huyện Cư M'gar;
- UBND xã Ea M'Nang;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bế Văn Toàn